

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 15 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,731.77 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ngân hàng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng gần 3.8 nghìn tỷ trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên hai sàn còn lại. VN-Index đóng cửa với cây nến có bóng nến trên và dưới đều dài, cho thấy tâm lý giằng co khi tiếp cận vùng 1,730 – 1,740, tương đương Fibonacci 0.786; đồng thời, dòng tiền đang có xu hướng luân chuyển qua các nhóm ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn. Diễn biến thị trường trở nên khó đoán định khi quay trở lại kháng cự cũ, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.71** điểm, đóng cửa tại **1731.77** điểm. HNX-Index **+0.80** điểm, đóng cửa tại **259.67** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+3.74)**, **BID (+2.53)**, **VPB (+2.50)**, **VCB (+2.48)**, **MBB (+1.87)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.75)**, **VPL (-1.46)**, **GAS (-0.84)**, **VJC (-0.50)**, **GEE (-0.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,540** tỷ đồng, tăng **11.99%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 28,619 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.75 điểm. Thị trường có **225** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **101** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **3646.14** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPL (3285.23 tỷ)**, **MBB (257.93 tỷ)**, **VPB (197.43 tỷ)**, **CTG (168.60 tỷ)**, **MWG (165.07 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-16.33** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.69%**. Các mã diễn biến tích cực:
CTG (+6.01%) [\(Link báo cáo\)](#)
MWG (+5.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+4.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.85%**. Các mã diễn biến tích cực:
FRT (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGW (+3.71%) [\(Link báo cáo\)](#)
NAB (+3.48%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.69%	0.85%	0.86%	1.12%
1 tuần	-0.33%	-1.21%	3.06%	2.52%
1 tháng	1.30%	0.45%	7.10%	6.16%
3 tháng	-6.47%	-9.10%	2.09%	4.69%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,731.77	259.67	120.16
% 1D	0.86%	0.31%	0.38%
GTKL (tỷ VND)	22,540	1,250	495
%1D	11.99%	-1.30%	-10.86%
GDNN (tỷ VND)	3646.14	-16.33	-37.02

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPL	3,285.23	VIC	-123.86
MBB	257.93	VCB	-116.91
VPB	197.43	FPT	-92.11
CTG	168.60	HPG	-86.56
MWG	165.07	ACB	-68.07

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,829	0.25%	1.85%
FTSE100	9,697	-0.05%	0.06%
Eurostoxx	5,711	0.29%	1.38%
Shanghai	3,878	-0.51%	0.36%
Nikkei	49,865	1.14%	0.60%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

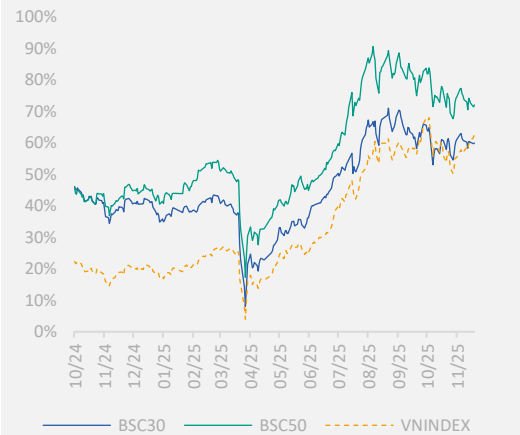
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.83	0.70%
Giá vàng	4,203	-0.85%

Tỷ giá		
USD/VND	26,410	
EUR/VND	31,468	0.23%
JPY/VND	173	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.02%
LS LNH 1M	6.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

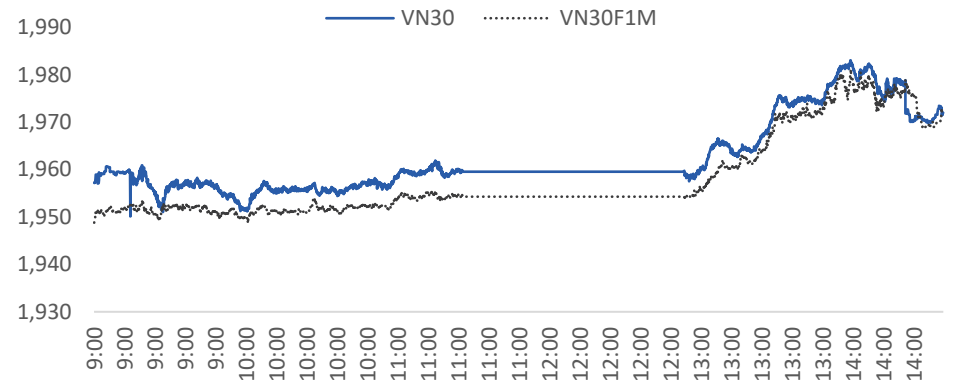
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1972.00	1.53%	360	-23.4%	15/01/2026	43
41I1G6000	1973.80	1.90%	103	157.5%	18/06/2026	197
VN30F2512	1972.00	1.28%	212,887	-16.8%	18/12/2025	15
41I1G3000	1969.00	1.49%	171	388.57%	19/03/2026	106

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +21.87 điểm, đóng cửa tại 1971.99 điểm. Biên độ dao động 32.04 điểm. Các cổ phiếu như MWG, VPB, MBB, MSN, LPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch với thanh khoản ghi nhận mức tăng vượt ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh, ưu tiên canh long.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G1000, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2521	25/03/2026	112	186,300	15.64%	91.00	1,390	67.5%	0.89	97.95	84.70	84.70
CTPB2508	25/12/2025	22	59,400	47.54%	25.40	100	66.7%	0.00	25.60	17.35	17.35
CTCB2514	24/02/2026	83	108,400	17.60%	38.97	710	44.9%	0.32	41.04	34.90	34.90
CSHB2512	25/12/2025	22	13,500	24.76%	20.35	650	41.3%	0.02	21.65	17.35	17.35
CTCB2509	15/12/2025	12	1,604,700	0.44%	33.12	990	37.5%	1.05	35.05	34.90	34.90
CMWG2513	15/12/2025	12	578,800	0.15%	66.05	3,810	34.2%	3.80	84.83	84.70	84.70
CMWG2514	23/12/2025	20	38,300	0.39%	63.09	4,450	31.7%	4.42	85.03	84.70	84.70
CMWG2523	9/03/2026	96	47,900	5.64%	74.60	3,720	31.4%	3.19	89.48	84.70	84.70
CVPB2529	9/02/2026	68	9,100	27.21%	37.80	680	30.8%	0.15	38.48	30.25	30.25
CMWG2522	25/06/2026	204	125,000	16.00%	87.10	2,230	29.7%	1.74	98.25	84.70	84.70
CMWG2504	26/03/2026	113	325,600	2.60%	65.06	4,430	26.2%	4.27	86.90	84.70	84.70
CSSB2506	3/02/2026	62	27,800	19.18%	20.56	300	25.0%	0.06	21.16	17.75	17.75
CMBB2513	15/12/2025	12	762,500	-0.04%	19.50	3,360	24.9%	3.39	24.54	24.55	24.55
CMWG2519	20/05/2026	168	204,600	6.73%	75.00	3,080	24.7%	2.88	90.40	84.70	84.70
CVPB2526	25/06/2026	204	90,000	18.94%	32.60	1,690	24.3%	1.20	35.98	30.25	30.25
CMWG2516	23/06/2026	202	57,000	13.74%	79.85	2,090	23.7%	1.55	96.33	84.70	84.70
CMWG2526	16/10/2026	317	6,600	28.22%	91.00	2,200	23.6%	1.22	108.60	84.70	84.70
CMBB2519	9/03/2026	96	1,001,400	16.25%	26.60	970	22.8%	0.45	28.54	24.55	24.55
CSTB2520	23/03/2026	110	124,800	7.75%	48.00	1,850	22.5%	1.79	53.55	49.70	49.70
CSTB2518	11/12/2025	8	246,200	2.21%	44.00	1,700	22.3%	1.44	50.80	49.70	49.70

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CMWG2521 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 67.47%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.69%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CFPT2503, CVHM2524, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVHM2510, CVIC2513 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	52.00	6.01%	3.74	5.37
BID	38.40	4.21%	2.53	7.02
VPB	30.25	4.67%	2.50	7.93
VCB	58.90	2.26%	2.48	8.36
MBB	24.55	4.25%	1.87	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	123.20	10.00%	1.45	0.20
NVB	14.10	2.17%	0.35	1.92
BAB	12.40	2.48%	0.17	0.96
CEO	25.90	1.97%	0.17	0.57
DHT	73.40	4.11%	0.16	0.09

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDP	48.15	7.00%	0.02	0.04
LDG	4.60	6.98%	0.02	1.83
FRT	155.10	6.97%	0.41	2.16
HII	7.55	6.94%	0.01	0.37
HID	9.16	6.88%	0.01	0.73

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	42.10	9.92%	0.18	0.00
POT	23.30	9.91%	0.17	0.07
CMC	9.00	9.76%	0.02	0.00
VTC	22.50	9.76%	0.04	0.01
SPC	10.40	9.47%	0.04	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	269.40	-2.04%	-4.75	3.88
VPL	100.00	-3.66%	-1.46	1.79
GAS	64.50	-2.42%	-0.84	2.41
VJC	214.00	-1.79%	-0.50	0.59
GEE	219.50	-1.57%	-0.28	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	70.00	-2.51%	-0.93	0.90
PTI	32.50	-5.80%	-0.13	0.12
PVS	32.50	-0.91%	-0.08	0.48
VIT	17.20	-8.51%	-0.04	0.05
PVI	87.60	-0.23%	-0.03	0.23

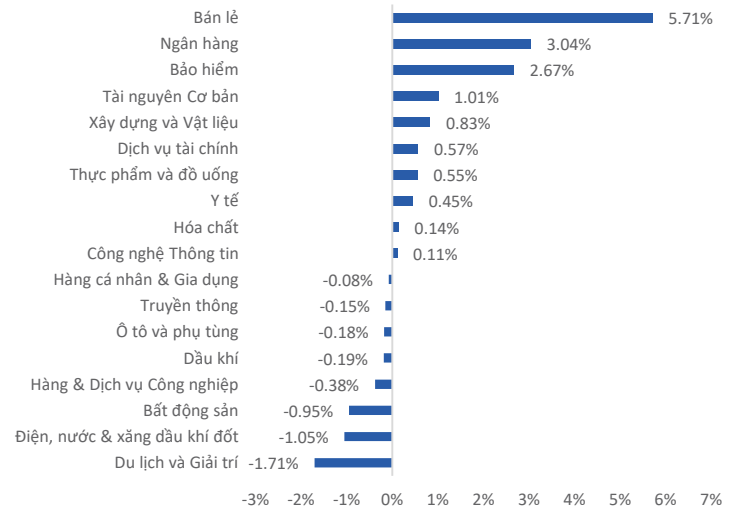
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	35.60	-6.93%	-0.01	0.02
SRC	49.15	-6.91%	-0.02	0.00
VRC	12.25	-6.84%	-0.01	0.04
SPM	10.30	-6.36%	0.00	0.00
HRC	26.05	-5.27%	-0.01	0.00

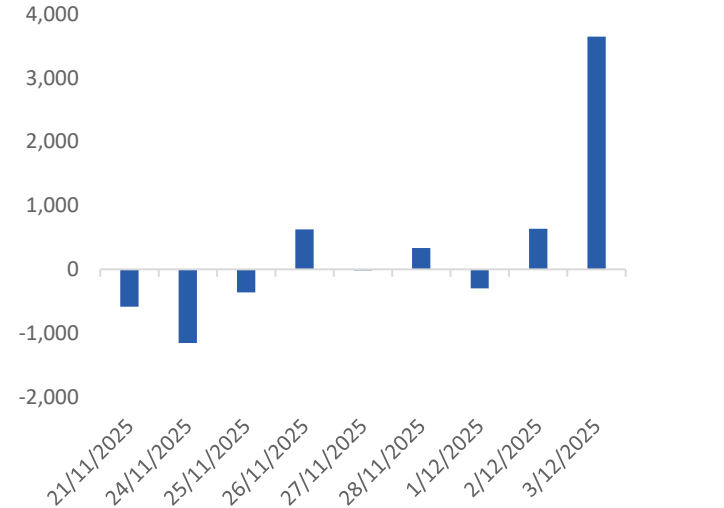
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	21.70	-9.96%	-0.02	0.01
VTJ	3.80	-9.52%	-0.02	0.00
HTC	29.70	-8.90%	-0.17	0.00
VIT	17.20	-8.51%	-0.28	0.00
TXM	4.70	-7.84%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.7	5.9%	1.3	118,277	1273.5	3,955	20.2	100,800	46.1%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	1.0%	1.2	32,585	115.9	1,872	18.5	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.2	1.9%	1.3	37,650	145.7	857	39.1	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	22.2	0.7%	1.6	21,556	126.6	211	104.3	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	106.8	0.0%	1.0	438,672	476.6	6,133	17.4	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.6	0.0%	0.6	164,559	632.3	5,280	18.3	118,700	38.9%	Link
BSR	Dầu khí	15.3	0.3%	0.0	76,361	42.0	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.5	-0.9%	1.6	16,775	183.3	2,841	11.6	42,800	13.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	1.8%	1.4	24,083	149.3	1,390	16.0		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.4	0.2%	1.3	67,052	714.7	1,882	17.2		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.7	1.9%	1.3	24,568	252.7	1,589	21.4		15.0%	
DCM	Hóa chất	33.9	0.2%	1.3	17,920	35.1	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	97.0	0.2%	1.4	36,763	168.4	8,296	11.7	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.5	2.1%	0.9	123,023	400.3	3,385	7.1	28,400	29.1%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	4.2%	1.0	258,737	152.3	3,781	9.7	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	52.0	6.0%	1.2	263,398	1170.2	6,208	7.9	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	32.3	0.8%	1.2	123,501	628.2	3,654	8.8	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.6	4.3%	1.1	189,695	1386.6	3,017	7.8	29,300	20.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.1	2.8%	1.1	39,624	243.0	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.7	0.6%	1.0	93,130	417.3	6,519	7.6		14.9%	
TCB	Ngân hàng	34.9	2.1%	1.0	242,349	661.8	3,112	11.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	1.5%	1.1	47,436	300.4	2,358	7.3	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	58.9	2.3%	0.9	481,287	365.7	4,202	13.7	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	18.8	1.9%	0.9	62,804	261.0	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.3	4.7%	1.1	229,290	1058.3	2,603	11.1	35,650	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	1.1%	1.2	203,400	625.1	1,876	14.1	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	1.2%	1.3	10,246	30.3	1,178	14.0	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	0.2%	1.3	10,603	156.3	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.6	2.5%	1.2	113,649	995.0	2,196	35.8	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.6	-0.6%	0.8	135,847	351.7	4,160	15.6	64,500	50.3%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.7	3.71%	1.3	9,532	133.6	2,411	17.9	22.6%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	155.1	6.97%	0.9	24,694	326.1	3,620	40.1	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	3.29%	1.2	38,378	20.6	3,578	14.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.2	1.00%	1.4	15,929	129.4	510	39.2	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.6	0.82%	1.5	18,747	267.1	401	45.9	20.3%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.1	1.12%	1.3	5,353	49.7	3,057	8.8	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.5	1.29%	1.6	11,506	44.4	938	33.2	21.0%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.5	0.79%	1.4	15,066	43.3	4,849	8.2	11.1%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.1	2.56%	1.3	17,079	33.2	2,151	16.4	45.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.4	1.08%	1.1	13,510	21.9	5,474	10.2	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.3	1.63%	1.1	5,535	13.5	1,763	17.4	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.3	0.50%	1.4	18,425	55.9	801	25.2	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	269.4	-2.04%	0.9	1,059,579	1825.5	2,287	120.3	3.8%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.5	-1.15%	1.0	79,304	279.1	2,144	16.3	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.9	0.82%	1.3	7,739	10.8	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.6	-0.72%	0.9	44,280	55.7	2,090	16.7	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.1	-1.33%	1.2	14,675	178.9	1,602	16.5	8.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.6	0.77%	1.3	11,192	19.4	1,262	25.6	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.9	1.40%	1.7	18,773	57.5	1,675	17.0	5.1%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	-2.42%	1.0	159,496	75.1	5,014	13.2	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	-0.34%	1.2	34,894	126.2	812	18.3	3.8%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.2	1.74%	0.8	34,179	18.3	4,776	13.2	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	214.0	-1.79%	0.9	128,912	478.3	2,897	75.2	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.1	0.11%	1.5	41,510	579.8	2,313	19.9	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.7	0.00%	1.2	26,741	91.3	3,501	17.9	43.1%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.3	0.49%	1.1	10,301	58.6	6,185	9.9	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	-2.34%	1.2	9,023	80.4	2,090	9.2	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.8	1.00%	0.0	12,154	27.1	3,139	31.8	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.4	-0.22%	1.2	31,249	37.3	6,917	13.2	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.8	-0.71%	1.0	3,137	30.4	2,535	11.1	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	2.12%	1.4	2,433	16.3	2,870	6.6	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.3	1.30%	1.1	15,638	50.9	1,212	19.0	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-0.18%	1.3	111,000	57.3	1,569	17.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.6	1.35%	1.3	41,446	298.3	1,635	13.6	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.6	2.32%	0.4	141,896	72.5	3,469	13.7	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.9	3.48%	0.0	24,620	49.8	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.6	2.03%	0.9	32,756	51.6	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	0.63%	1.3	7,139	51.6	571	28.0	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.8	0.00%	1.4	7,668	46.5	2,829	10.2	3.9%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.9	3.35%	0.6	9,972	186.7	1,715	19.1	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.9	-0.95%	0.6	67,206	173.7	3,373	15.5	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.5	0.88%	1.1	12,794	30.7	6,944	8.2	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	159.0	0.13%	0.5	13,000	19.1	14,639	10.9	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.0	1.31%	1.3	8,510	30.9	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.6	0.69%	1.1	9,952	22.8	5,128	17.0	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.4	1.29%	1.4	4,314	18.0	3,037	14.1	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.4	1.05%	1.3	7,088	50.7	1,106	12.9	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.3	0.22%	1.1	9,542	102.4	1,377	16.8	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.1	1.69%	1.2	15,321	87.7	6,148	3.9	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.2	1.96%	1.4	19,414	26.1	3,090	14.0	2.8%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>